

Phục lục 2 KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025 ĐỘ TUỔI 24 -36 THÁNG <i>(Kèm theo Kế hoạch giáo dục nhà trường số 78/KHGD-MNDN ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Trường Mầm non Diễm Ngọc)</i>	
Mục tiêu	Nội dung
Lĩnh vực phát triển thể chất	
Dinh dưỡng và sức khoẻ	
1. Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: Trẻ trai: Cân nặng từ 9.9 đến 15.2 (kg) Chiều cao: Từ 80.9 đến 94.9 (cm) Trẻ gái: Cân nặng 9.4 đến 14.5 (kg) Chiều cao: Từ 79.9 đến 93.3 (cm)	-Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau + Trẻ được ăn đủ chất hai bữa chính một bữa phụ tại nhóm lớp. - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.
Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống
2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Giờ ngủ cô cho trẻ ngủ đủ giấc 150 phút
3. Bước đầu hình thành cho trẻ một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	- Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: + Trẻ ngồi vào bàn, tự xúc cơm, cháo ăn, khi ăn không làm rơi cơm, cháo. Trước khi ăn biết mời cô, mời các bạn. - Thói quen ăn chín; Rửa tay trước khi ăn; lau mặt; lau miệng; uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định. + Cô hướng dẫn cho trẻ trước khi ăn phải biết rửa tay, lau mặt, khi ăn xong phải lau miệng, uống nước.

4.Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định + Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định, khi đi biết xin phép.
5.Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. + Chuẩn bị chỗ đi ngủ. - Trẻ tập tự xúc ăn. + Xúc cơm ăn, uống nước. + Tự biết rửa tay khi tay bẩn, rửa tay trước khi ăn, trẻ đã biết lau miệng và uống nước sau khi trẻ ăn xong. -Tập tự phục vụ: Xúc cơm, uống nước Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. + Trẻ biết ngồi vào bàn khi ăn, xúc cơm ăn không làm rơi vãi cơm ra ngoài, biết tự uống nước sau khi ăn xong.
6. Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm	- Một số vật dụng và nơi nguy hiểm (Bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở - Biết tránh 1 số nơi nguy hiểm (ổ điện, ao, hồ. + Trẻ biết tránh những vật dụng hàng ngày nguy hiểm mà trẻ thấy như phích nước, giếng, ổ điện.
7.Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm	- Nhận biết và phòng tránh một số hành động nguy hiểm (leo treo lan can, chơi nghịch với các vật sắc nhọn..) khi được nhắc nhở. - Trẻ biết tránh, không chơi, không nghịch những nơi nguy hiểm như lan can, các vật sắc nhọn thường ngày mà trẻ hay thấy.
8.Trẻ tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay lau mặt	- Vệ sinh đúng thao tác và kết hợp trò chuyện + Trẻ được nghe cô trò chuyện về cách vệ sinh tay, mặt khi cô vệ sinh cho trẻ.
9. Trẻ biết và Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Trẻ đội mũ nón khi đi ra nắng, bảo vệ cơ thể. + Trẻ biết đội mũ khi ra nắng, biết đi giày dép, mặc áo ấm khi trời rét. KNS: - Cách lau mặt rửa tay - Đi giày đi dép, mặc áo ,quần

10. Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	- Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở. + Không được đến bên cạnh bếp đang đun, phích nước nóng vừa đổ, các xô chậu đựng nhiều nước. KNS: Những nơi nguy hiểm, vật dụng nguy hiểm, ổ cắm điện, nước nóng...
11. Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	- Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở. + Tránh những nơi có đồ vật sắc nhọn, nguy hiểm hàng ngày. KNS: Biết một số hành động nguy hiểm: leo trèo, không chơi vật sắc nhọn, dao, kéo, dũa...
Phát triển thể chất	
12. Trẻ biết thực hiện được một số động tác trong bài tập thể dục. Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	Trẻ tập được một số động tác: - Hô hấp: tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân. - Hô hấp: Tập hít vào thở ra. - Tay: Đưa lên cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang. Kết hợp lắc lư bàn tay
13.. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động: đi, chạy thay đổi tốc độ nhanh chậm theo cô.	+Tập đi, chạy - Đi theo hiệu lệnh. - Đi trong đường hẹp - Đi có mang vật trên tay. - Đi trong đường ngoằn ngoèo. - Đi bước vào các ô - Đi kết hợp với chạy. - Bước qua gậy kê cao. - Bước lên bậc (cao 15 cm) - Chạy theo hướng thẳng - Chạy đổi hướng. - Đứng co 1 chân
14.Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn trèo để giữ	- Tập bò, trườn, trèo + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng.

được vật đặt trên lưng.	+ Bò chui qua cổng. - Bò, trườn qua vật cản + Bò theo đường ngoằn ngoèo + Trèo lên xuống ghế thể dục + Trườn về phía trước
15. Trẻ thực hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng. Thực hiện phối hợp vận động tay mắt trong: tung , bắt, ném,	- Tung, ném, bắt: - Tung - bắt bóng cùng cô - Tung bóng qua dây - Ném bóng trúng đích - Ném bóng về trước (ném xa bằng 1 tay
16. Trẻ biết Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật - Tập cuộn cổ tay.
17. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tô chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách - HĐVĐV: + Xâu vòng hoa tặng bạn + Xâu vòng hoa tặng bà, tặng mẹ + Xâu vòng con vật to , nhỏ + Xếp cái bàn, cái ghế + Xếp nhà, xếp hàng rào + Xếp đường đi tới trường + Xâu con vật to- nhỏ tặng bạn + Chơi so hình to- nhỏ + Xâu vòng hoa màu xanh, màu đỏ, màu vàng tặng bạn + Bày quả ra đĩa + Xếp quần áo của bé + Xếp đồ chơi vào rổ + Xâu vòng tặng cô

<i>Phát triển nhận thức</i>	
18. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của các con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua).
19. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ dùng đồ chơi của bản thân, của nhóm lớp. - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.
20. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của người gần gũi trong gia đình. - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp. - NBTN: gọi tên các bộ phận cơ thể, nói được người thân của trẻ - KNS: Biết bộ phận cơ thể mình, cách vệ sinh cá nhân...
21. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc - NBTN: - Một số con vật nuôi trong gia đình(vật 2 chân, vật 4 chân) : con mèo, con chó, con lợn, con gà... - Một số con vật sống trong rừng: con hổ- con voi,

	con thỏ, con gấu, con ong... - Một số con vật sống dưới nước: con cá, con tôm, con cua... - NBTN: Một số loại hoa: Hoa hồng, hoa cúc, hoa lan, hoa đào... - Một số loại quả: Quả cam, quả táo, quả xoài... - Một số loại rau: rau cải, rau bắp cải, rau muống... - Tết Nguyên Đán và mùa xuân: Mùa xuân, bánh chưng, bánh tét, câu đối.. - NBTN: - Con cá- con tôm; con voi- con hổ: con gà-con vịt... - Con vật 2 chân-4 chân - Hoa đào –hoa mai, hoa hồng- hoa huệ... - Bánh vuông- dài
22. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cắt đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	- Nói đúng tên các đồ vật, con vật, đồ dùng. - Màu đỏ, màu vàng, màu xanh. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm. - NBTN: Màu xanh, đỏ, vàng... -NPPB: + Nhận biết đồ dùng màu xanh, màu đỏ + Nhận biết đồ dùng màu xanh, màu đỏ, màu vàng + Con vật xanh, con vật đỏ, con vật vàng + Cắm hoa màu đỏ - hoa màu vàng vào lọ + Xâu vòng màu xanh, màu đỏ, màu vàng + Quần áo màu xanh, màu vàng, màu đỏ. + Nhận biết phân biệt màu xanh, đỏ + Nhận biết phân biệt màu xanh, vàng + Nhận biết phân biệt màu đỏ- vàng NBTN: + PT và quy định GTĐB: Xe đạp, xe máy, ô tô tải, ô tô con +PT và quy định GTĐT: Tàu thủy, Thuyền buồm, ca nô

	+PT và quy định GTĐ hàng không: Máy bay KNS: -Thực hành các tín hiệu đèn giao thông -Màu sắc quanh bé
23. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu. Một và nhiều. Vị trí trong không gian. Hình học.	- Chỉ, lấy, cất theo yêu cầu. - NBTN: Hình tròn- vuông: to- nhỏ - NBPB: + Kích thước to - nhỏ. + Hình tròn, hình vuông + Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Nhận biết phân biệt trên dưới trước sau. + Số lượng một - nhiều
- Phát triển ngôn ngữ	
24. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc
25. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)	Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì? làm gì?ở đâu?Thế nào?Để làm gì?tại sao?...
26. Trẻ Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. Biết tên và hành động của các nhân vật.	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
27. Phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau. KNS: Giao lưu, trò chuyện với cô và bạn.
28. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo. - Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. Chủ điểm MN Cô và mẹ, bạn mới, Cất đồ chơi, Vườn trẻ, Bàn tay

	cô giáo gà tơ đi học... *Chủ điểm Gia đình bé yêu. Bà và cháu, khăn đẹp, Đi dép, Giỗ em, Yêu mẹ, Bé chờ mong, Bé tập giúp mẹ, Giường, Cửa sổ riêng của bé, Cô giáo */Truyện: Thỏ con không vâng lời (Nguyễn Thị Thảo). Khi con ăn chuối (Vân Nhi). Cả nhà ăn dưa hấu (Vũ Hồng Tâm, Nguyễn Thị Tuất, Hồ Lam Hồng); Bé Mai ở nhà (Vũ Hồng Tâm, Nguyễn Thị Tuất, Hồ Lam Hồng). Anh em nhà thỏ (Hoàng Thị Minh Khanh). Thỏ dọn nhà (Kim Chi). Thỏ ngoan (Hoàng Oanh sưu tầm). Chú gấu con ngoan...Sinh nhật của thỏ con. Chủ điểm Những con vật đáng yêu. -Thơ: Chú gà con, Tìm ổ, Mèo con, Con trâu, Đàn bò, Em là bộ đội, Con voi, Thỏ trắng, Mùa xuân, Chim sâu, Đàn lợn con Con cá vàng, Đàn gà con, Chim hót, Con voi, Ong và bướm, tìm ổ, con cua -Truyện: Đôi bạn tốt, Quả trứng, Chó vàng, Thỏ ngoan, Rùa con tìm nhà, Con cáo, Thỏ con không lời, Chiếc đu màu đỏ, Cô vịt tốt bụng, Vịt con long vàng, Cá rô ron lên bờ, Chào buổi sáng Chú mèo tinh nghịch Chủ điểm: Rau quả và những bông hoa đẹp. -Thơ: Mùa xuân, Hoa nở, Cây đào, Dán hoa tặng mẹ, Quả thị, Chuối, Bắp cải xanh, Củ cà rốt, Bắp cải xanh, Hoa kết trái, Tết là bạn nhỏ, Mùa xuân, Cây dây leo, Chăm rau. Truyện: Cây táo, Quả thị, Cô và các bạn xem hoa, Thỏ con ăn gì, Chiếc áo mùa xuân Chủ điểm : Bé đi khắp nơi bằng PTGT: -Thơ: Xe đạp, Tiếng còi tàu, Xe chữa cháy, Đi chơi phố, Con tàu, Đèn xanh đèn đỏ, Bé nằm mơ, Bé và mẹ -Truyện: Câu chuyện về chú xe ủi, Chuyến du lịch của chú gà trống choai, Xe lu và xe ca, Vì sao thỏ cụt đuôi, Ô tô con học bài, Tàu thủy tỷ hon.
--	--

	Thơ: Chủ điểm: Mùa hè đến- Em lên mẫu giáo. - Nắng bốn mùa, Cầu vồng, Mưa, Tiết kiệm nước, Bé lên mẫu giáo, Bóng mây, Che mưa cho bạn, Trưa hè, Gió, Uống, bác Hồ của em. Truyện: Chiếc ô của thỏ trắng, Cóc gọi trời mưa, Chim và cá
29. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Trẻ thể hiện nhu cầu, mong muốn, và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn
30. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm hình ảnh quen thuộc trong giao tiếp. - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ... - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao Lắng nghe khi người lớn đọc sách.
31. Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
32. Nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Nói vừa đủ nghe, không nói to mà cũng không nói quá nhỏ, nói lễ phép với người lớn.
<i>Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội thẩm mỹ</i>	
33. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.
34. Thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.

35. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh. - Quan tâm đến trạng thái, biểu cảm của người khác khi giao tiếp.
36. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi. .	- Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
37. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gân gũi:	- Quan tâm đến các vật nuôi. bắt chước tiếng kêu, gọi.
38. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ă. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
39. Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
40. Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định
41. Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc. - Trẻ nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc	- Hát được các bài hát trong chủ đề. - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Nói được tên các bài hát, bản nhạc đơn giản. - Nói được tên tác giả của các bài hát và bản nhạc đó. - Biết được nội dung của các bài hát, bản nhạc. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. Chủ điểm Mầm non: Dạy hát, VĐ: + Cô và mẹ; Lời chào buổi sáng; Em búp bê; Đi nhà trẻ; Biết vâng lời mẹ; Đi học về.; cùng đi về lớp - Nghe hát: Trường chúng cháu là trường mầm non; Em đi mẫu giáo; Em yêu cô giáo; Lại đây múa hát cùng cô; Em tập thể dục buổi sáng; - Trò chơi: Hãy lắng nghe; nghe âm thanh to-nhỏ Chủ điểm: Gia đình: DH và VĐ: - Mẹ yêu không nào(Nhạc và lời: Lê Xuân Thọ)

	- Cô và mẹ (Nhạc và lời: Phạm Tuyên) - Cháu yêu bà (Nhạc và lời: Xuân Giao) - Bé ngoan (Nhạc và lời: Hồng Ngọc) - Đi ngủ (Nhạc và lời: Hoàng Văn Yến) - Cùng múa vui (Nhạc và lời: Xuân Giao) - Quà tặng mẹ (Nhạc và lời: Bùi Anh Tôn) - Biết vâng lời mẹ Nghe hát: - Cả nhà nhà thương nhau (Nhạc và lời: Phan Văn Minh) - Chim mẹ chim con (Nhạc và lời: Đặng Nhật Mai) - Cả nhà đều yêu (Nhạc và lời: Bùi Anh Tôn) - Lại đây múa hát cùng cô (Nhạc và lời: Bùi Anh Tôn) - Bé quét nhà (Nhạc và lời: Hà Đức Hậu) - Ru em (Nhạc và lời: Hoàng Kim Định) - Cô giáo (Nhạc: Đỗ Mạnh Thường; Lời thơ: Nguyễn Hữu Tưởng) - Cho con; Cò lả (Dân ca đồng bằng bắc bộ); gà gáy le te; Tổ ấm; Cháu yêu bà. - Trò chơi: Nghe âm thanh to –nhỏ; hãy bắt chước. Chủ điểm: Những con vật đáng yêu: - Dạy hát và VĐ: + Gà trống mèo con và cún con; Con gà trống; Cá vàng bơi; Một con vịt;Ếch ộp; Con chim hót trên cành cây; Chú mèo; Chú mèo lười; Con cò cánh trắng. - Nghe hát: Cò lả; Trời nắng trời mưa, Tiếng hát vịt con, Vì sao chim hay hót, Rửa mặt như mèo, Thật là hay. Con mèo ra bờ sông, gà trống mèo con và cún con, Cháu thương chú bộ đội, Chú bộ đội, Con chim vành khuyên, Thật đáng chê, Chú voi con ở bản Đôn, ta đi vào rừng xanh. - Trò chơi: Nghe âm thanh của hai nhạc cụ, gà gáy, Nghe giai điệu đoán tên bài hát, hát theo hình vẽ, Ai đoán giỏi, Thỏ đổi lông, Lộn cầu
--	--

	vòng. Chủ điểm: Rau quả và những bông hoa đẹp: - Hát + VĐ: Tết đến rồi, hái hoa, màu hoa, Quả 8/3, Bé và hoa, Như những cánh hoa, Hoa bé ngoan, - Nghe hát: Chúc xuân, Em thêm 1 tuổi, Hoa trong vườn, Hoa thơm bướm lượn, Ngày vui 8/3, Quả, Con chim hót trên cành cây, Bắp cải xanh, Vườn cây của ba. Ra vườn hoa em chơi, lý cây bông, màu hoa, Em yêu cây xanh, Hoa trường em, - Trò chơi: Ai đoán giỏi, Tiếng hát ở đâu, Nghe giai điệu đoán tên bài hát, tai ai tinh, Hát theo hình vẽ, Giọng hát to - giọng hát nhỏ. Chủ điểm: Bé có thể đi khắp nơi bằng các PTGT: - Hát+VĐ: Lái ô tô, Em tập lái ô tô, Đèn xanh đèn đỏ, Đường em đi, Đoàn tàu nhỏ xíu, Ngày vui 8/3, tàu hỏa - Nghe hát: Nhớ lời cô dặn, Em đi qua ngã tư đường phố, Em đi chơi thuyền, Anh phi công ơi, Dân ca (tự chọn), Tàu hỏa, Bạn ơi có biết không -Trò chơi: Nghe và bắt chước âm thanh, Chọn bài hát theo hình vẽ, Tai ai tinh, Giọng hát to - giọng hát nhỏ. Chủ điểm: Mùa hè đến- Em lên mẫu giáo. - Hát+ VĐ: Mùa hè đến, Đếm sao , Cháu đi mẫu giáo, Nhớ ơn bác, Cùng mùa vui - Nghe hát: Hè đến, Ánh trăng hòa bình, dân ca tự chọn, Cho tôi đi làm mưa với, Mưa rơi, Bèo dạt mây trôi, Ông mặt trời óng ánh, - Trò chơi: Nghe giai điệu đoán tên bài hát, Giọng hát to - giọng hát nhỏ, Trời nắng trời mưa.
42.Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút đi màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Tô màu tranh không chườm ra ngoài. - Vẽ các đường nét đúng theo yêu cầu. Xem tranh

	- Di màu quả bóng - Di màu chiếc khăn - Tô màu cái trống - Tô màu bong bóng - Tô màu chiếc cốc - Tô màu cái xô cho cô cấp dưỡng - Vẽ hoa tặng cô giáo - Tô màu quả táo - Tô màu củ cà rốt - Dán lá cho cành hoa - Tô màu con cá heo - Tô màu con voi- Đề tài:(GV lựa chọn đề tài phù hợp) - Tô màu bánh chưng - Vẽ mưa xuân - Tô màu chiếc áo của mẹ - Tô màu đường về nhà - Đề tài:(GV lựa chọn đề tài phù hợp) - Tô màu ô tô - Tô màu mũ bảo hiểm - Vẽ các tia nắng - Tô màu chiếc ô - Tô màu bánh ga tô. - Xếp đường đi - Tháo lắp vòng - Xếp tháp chóp - Xếp ô tô - Xếp nhà - Chọn đồ dùng màu xanh cho bé - Xếp chuồng thú KNS: Kỹ năng xếp các đồ vật
--	---

**PHÂN PHỐI THỜI GIAN THỰC HIỆN THEO CHỦ ĐỀ: 24 -36 THÁNG
NĂM HỌC: 2024-2025**

T T	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường Mầm Non Diễn Ngọc Cửa Bé	Trường mầm non hạnh phúc	1	09/09 -11/10
		Bé vui đón tết trung thu	2	
		Bé và cô giáo	3	
		Bé Yêu các bạn	4	
		Đồ chơi của bé	5	
2	Bé và gia đình thân yêu- Ngày hội cô giáo	Mẹ và những người thân yêu trong gia đình bé	6-7	14/10-22/11
		Đồ dùng để ăn	8	
		Đồ dùng để uống	9	
		Ngày vui của cô giáo 20/11	10	
		Đồ dùng để sinh hoạt	11	
3	Những con vật đáng yêu	Con Vật Nuôi trong gia đình	12	25/11-20/12
		Con Vật sống dưới nước	13	
		Con vật sống trong rừng	14	
		Bé yêu chú bộ đội	15	
4	Bé Vui đón tết, mừng xuân	Bé yêu cây xanh	16	23/12-17/01
		Bé biết nhiều loại rau	17	
		Những loài hoa mùa xuân	18	
		Mùa xuân của bé	19	
5	Bé thích ăn quả ngọt, rau xanh	Bé vui đón tết	20	20/01-14/03
		Nghỉ tết		
		Những loài hoa mùa xuân	21-22	
		Bé thích các loại quả	23-24	
		Vui hội 8/3	25	

6	Các phương tiện giao thông	Phương tiện và tín hiệu giao thông đường bộ	26-27	17/03 - 18/04
		PTGT đường thủy	28-29	
		PTGT đường hàng không	30	
7	Mùa hè- bé lên mẫu giáo- Bác Hồ của em	mùa hè sôi động	31	21/04-23/05
		Trang phục mùa hè	32	
		Bé và các hoạt động mùa hè	33	
		Bé lên mẫu giáo	34	
		Mừng sinh nhật Bác Hồ kính yêu	35	
			35 tuần	